



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Địa chỉ: 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 04.9380098

Fax: 04.9380127

Website: ckosc.com.vn
Email: osc@ckosc.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2011

Hà Nội, tháng 03 năm 2012



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2011

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Tên tiếng Anh: Dai Tay Duong Securities Joint Stock Company

Tên viết tắt: OSC

Địa chỉ trụ sở chính: Số 169 Hàng Bông – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: 04.3.938.0098

Fax: 04.3.938.0127

Email: osc@ckosc.com.vn

Website: www.ckosc.com.vn

Vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2011): **135.000.000.000** đồng (*Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng chẵn.*)

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

- Việc thành lập: Công ty CP Chứng khoán Đại Tây Dương được thành lập theo quyết định số 78/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/12/2007.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán

Tự doanh chứng khoán

Tư vấn đầu tư chứng khoán

+ Tình hình hoạt động

Năm 2011 được coi là một năm đầy khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Thị trường giao dịch với biên độ hẹp và đầy biến động, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, lãi suất ngân hàng nên tình hình giao dịch và đầu tư trên thị trường chứng khoán tương đối yếu. Các chính sách vĩ mô của nhà nước thì chưa tác động lớn đến thị trường chứng khoán hoặc tác động tương đối chậm. Tuy nhiên, với sự lãnh đạo của Ban Tổng Giám đốc công ty cũng như sự năng động của đội ngũ nhân sự trẻ được đào tạo bài bản đã giúp Công ty đứng vững, vượt qua khó khăn, từng bước khẳng định được tên tuổi của mình trên thị trường chứng khoán.

Mảng môi giới chứng khoán: Với đội ngũ môi giới trẻ, chuyên môn giỏi, năng động, trình độ cao, đã giúp công ty vượt qua khó khăn. Năm 2011 doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán đóng góp không nhỏ vào tổng doanh thu Công ty. Số lượng khách hàng giao dịch giữ được mức ổn định không bị biến động bất thường. Khối lượng và giá trị giao dịch của Công ty trên toàn thị trường tuy có bị giảm sút nhưng vẫn giữ được ở mức khá cao.

Mảng hoạt động tự doanh: Trong năm 2011 hoạt động tự doanh của Công ty chủ yếu là trên sàn niêm yết. Tuy nhiên, do tình hình thị trường yếu và sụt giảm nghiêm trọng nên mảng tự doanh năm nay Công ty hoạt động chưa được hiệu quả.

Mảng tư vấn: Với nhân sự trình độ cao, mảng tư vấn của Công ty phát triển mạnh, các lĩnh vực tư vấn của Công ty gồm tư vấn tài chính, tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn thành lập, sát nhập,....

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển Công ty thành một trong những công ty dẫn đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam về cả công nghệ và nhân lực và chất lượng dịch vụ.
- Về thị phần: Công ty phấn đấu thị phần môi giới đến 2015 chiếm khoảng 4-6% thị phần toàn thị trường.
- Về công nghệ: Tập trung phát triển Công nghệ, đem đến cho nhà đầu tư các sản phẩm công nghệ cao, giúp nhà đầu tư nâng cao tỷ suất lợi nhuận và các tiện ích trong giao dịch.
- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông.
- Đảm bảo các quyền lợi làm việc tốt cho người lao động, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

+ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự và công nghệ đưa OSC trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường Việt Nam.
- Phát triển các chi nhánh và phòng giao dịch hiện đại, có khả năng đáp ứng tốt nhất cho NĐT.
- Phát triển và cung cấp các dịch vụ tài chính nhanh chóng, thuận tiện cho khách hàng khi được chấp thuận từ UBCK hoặc cơ quan nhà nước.
- Phát triển hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư.

VI. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

- Doanh thu của Công ty năm 2011 là: 30.559.781.682 đ

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2011	
				GIÁ TRỊ	% TH/KH
1	Tổng doanh thu	Đồng	35.000.000.000	30.559.781.682	87.31
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	5.000.000.000	(4.701.961.196)	-94.04
3	Thuế TNDN	Đồng	1.250.000.000	0	0
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	3.750.000.000	(4.701.961.196)	-125.39

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Trong năm 2011 Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự, tập trung phát triển công nghệ và chuẩn bị các điều kiện cần thiết khi thị trường sôi động.

Mở rộng hoạt động môi giới, triển khai một số nghiệp vụ mới và hoàn thiện quy chế quản lý rủi ro của Công ty.

Thị trường chứng khoán 2011 có biên độ giao động hẹp nên các chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch là không đạt. Đặc biệt hoạt động tự doanh do nắm giữ chứng khoán nên khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư của Công ty vào cuối năm tài chính tương đối lớn.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Với chiến lược trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong năm 2011 Công ty bắt đầu mở rộng hoạt động, tập trung phát triển các mảng hoạt động mũi nhọn, mang lại doanh thu cao cho Công ty

Mạng khách hàng của Công ty hướng tới là các cá nhân có tiềm lực kinh tế; các tổ chức kinh tế lớn.

Tập trung nguồn nhân sự và hệ thống công nghệ đón đầu các chính sách mới và các dịch vụ giá trị gia tăng cho nhà đầu tư khi được pháp luật cho phép triển khai.

V. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2011	NĂM 2010
1	Cơ cấu tài sản			
	TS ngắn hạn/ Tổng TS	%	92.99%	92.34%
	TS dài hạn/ Tổng TS		7.01%	7.66%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/ Tổng NV	%	7.04%	19.56%
	NV Chủ sở hữu/ Tổng NV		92.96%	80.44%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	13.72	4.72
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	13.02	4.72
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất LN/ Tổng Tài sản		-3.3%	0.08%
	Tỷ suất LN/ Doanh thu thuần	%	-15.39 %	0.46%
	Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn CSH		-3.55%	0.055%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động của Công ty trong năm 2011 thấp hơn các chỉ tiêu kế hoạch do Công ty đề ra do tình hình thị trường có nhiều biến động tiêu cực, biên độ giao động hẹp, tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều biến động bất lợi dù đã được sự lãnh đạo kịp thời của hội đồng quản trị cũng như Ban Giám đốc Công ty.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Là một trong những công ty mới thành lập trong hoàn cảnh thị trường chứng khoán âm ảm của năm 2008 nên Công ty chú trọng hoàn thiện bộ máy nhân sự, phát triển hệ thống thông tin, nâng cao trách nhiệm của nhân viên, phát triển mạng lưới khách hàng... cho nên Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các cơ quan quản lý.

Về công nghệ

Hệ thống công nghệ thông tin của công ty đã tương đối ổn định và hiện đại; Công ty đang từng bước bổ sung các tính năng mới cho phần mềm giao dịch và các tiện ích giao dịch với khách hàng.

Công ty cũng đã có kế hoạch và đang đàm phán, triển khai nhiều Modul công nghệ mới phục vụ cho nhà đầu tư theo kịp các chính sách phát triển thị trường chứng khoán của nhà nước.

Về nhân sự

Toàn bộ nhân sự của Công ty đều là nhân sự trẻ, có trình độ từ Đại học trở lên, năng động, có kiến thức chuyên môn tốt.

Trong năm 2011 Công ty đã kiện toàn và từng bước hoàn thiện bộ máy nhân sự có chất lượng và ngày càng chú trọng vào kỹ năng, chuyên môn của nhân viên.

Các vấn đề khác

Công ty có quan hệ tin cậy và là đối tác toàn diện của một số tổ chức tín dụng lớn.

Xây dựng và từng bước hoàn thiện quy định quản lý rủi ro cho các hoạt động của Công ty.

Xây dựng và triển khai các hoạt động nghiệp vụ mới cho nhà đầu tư.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Với đội ngũ nhân sự trẻ, năng động, được đào tạo bài bản, chúng tôi tin tưởng rằng trong tương lai OSC sẽ trở thành một trong những Công ty chứng khoán có vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ hiện đại, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của nhà đầu tư.

Xây dựng và hoàn thiện các phương án quản trị rủi ro công nghệ, tài chính, nhân sự,... giúp công ty phát triển bền vững theo các quy định của pháp luật.

Phát triển mạng lưới hoạt động vào giao dịch của Công ty tại các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước.

Xây dựng và tập trung vào các mảng hoạt động có thể mạnh và các hoạt động mang lại tỷ suất lợi nhuận cao; đồng thời, củng cố và gia tăng giá trị lợi nhuận ở các mảng hoạt động khác.

Từng bước và tùy vào tình hình thị trường để phát triển OSC thành một tập đoàn tài chính toàn diện tại thị trường tài chính Việt Nam.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đã kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3.938 0098

Fax: (84-4) 3.938 0127

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2011

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, được điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 375/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2010.

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 78/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 05/12/2007 và Quyết định điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 375/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Danh sách cổ đông sáng lập

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của các cổ đông	Số cổ phần
1.	Nguyễn Minh Tuấn	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8,100,000
2.	Nguyễn Minh Thu	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	3,375,000
3.	Ngô Quang Nam	Số 34 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội	2,025,000

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Địa chỉ: 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 938 0098

Fax: (84-4) 938 0127

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Minh Tuấn
- Bà Nguyễn Minh Thu
- Ông Ngô Quang Nam

Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Ngô Quang Nam
- Bà Lê Thị Mai
- Ông Hoàng Văn Dũng
- Ông Nguyễn Thanh Trường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/05/2011)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		132,490,304,939	157,423,441,609
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9,259,481,845	22,195,194,838
1 Tiền	111		6,259,481,845	19,595,194,838
2 Các khoản tương đương tiền	112		3,000,000,000	2,600,000,000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	25,580,585,439	36,484,322,939
1 Đầu tư ngắn hạn	121		29,211,776,936	43,744,909,723
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3,631,191,497)	(7,260,586,784)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.10	96,815,520,811	97,889,960,151
1 Phải thu của khách hàng	131		211,830,314	192,030,314
2 Trả trước cho người bán	132		5,675,000	559,659,580
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		3,255,154,756	2,199,290,417
5 Các khoản phải thu khác	138		93,517,284,895	95,061,663,620
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(174,424,154)	(122,683,780)
IV Hàng tồn kho	140		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		834,716,844	853,963,681
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		30,198,663	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		801,328,181	801,328,181
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		3,190,000	52,635,500
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		9,984,533,458	13,063,679,964
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		8,486,675,979	11,946,687,732
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	3,316,765,684	5,827,845,974
- Nguyên giá	222		12,934,774,197	12,814,274,742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9,618,008,513)	(6,986,428,768)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5	5,169,910,295	6,118,841,758
- Nguyên giá	228		10,080,365,983	9,294,477,983
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,910,455,688)	(3,175,636,225)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		1,497,857,479	1,116,992,232
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	-	204,444,703
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	1,497,857,479	912,547,529
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		142,474,838,397	170,487,121,573

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		10,033,755,780	33,344,077,759
I Nợ ngắn hạn	310		10,033,755,780	33,344,077,759
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	1,983,308,200	-
2 Phải trả người bán	312		2,018,212,087	961,000,000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	181,821,361	210,432,704
6 Chi phí phải trả	316	V.11	89,545,576	517,713,212
9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		588,148,600	443,784,351
11 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	5,013,062,804	31,185,508,675
12 Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		134,018,335	-
13 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		25,638,817	25,638,817
II Nợ dài hạn	330		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		132,441,082,617	137,143,043,813
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13	132,441,082,617	137,143,043,813
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135,000,000,000	135,000,000,000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		210,594,401	210,594,401
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2,769,511,784)	1,932,449,412
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		142,474,838,397	170,487,121,573

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2011	01/01/2011
1 Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2 Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3 Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5 Ngoại tệ các loại	005	773.19	771.29
6 Chứng khoán lưu ký	006	316,755,050,000	313,035,290,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	240,276,990,000	313,035,290,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	9,231,820,000	15,068,520,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	227,759,030,000	286,720,990,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	011	3,286,140,000	11,245,780,000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	25,408,000,000	116,000,000
6.2.2 nước	014	25,408,000,000	116,000,000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	40,975,000,000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	40,975,000,000	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	9,887,100,000	16,500,600,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	1,000,000,000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	8,887,100,000	16,500,600,000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	207,960,000	94,620,000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	207,960,000	94,620,000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	3,410,300,000	-
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	3,410,300,000	-
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	3,410,300,000	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu	01		30,559,781,682	29,012,141,232
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		7,089,137,071	14,024,546,534
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		2,658,561,800	8,626,433,300
Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	394,961,420
Doanh thu lưu ký CK	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		20,812,082,811	5,966,199,978
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		30,559,781,682	29,012,141,232
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11		29,667,805,449	22,521,905,702
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		891,976,233	6,490,235,530
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,578,021,808	6,362,216,183
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 - 25}	30		(4,686,045,575)	128,019,347
11 Thu nhập khác	31		27,166,045	40,935,077
12 Chi phí khác	32		43,081,666	36,737,909
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(15,915,621)	4,197,168
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(4,701,961,196)	132,216,515
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.1	-	58,115,474
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(4,701,961,196)	74,101,041
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(348)	5

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh CK			
1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	5,397,575,384	5,631,914,024
2 Tiền chi từ hoạt động kinh doanh	02	(2,412,955,069)	(9,518,910,208)
3 Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(551,870,858)	(684,793,500)
4 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	2,233,036,425,935	3,543,973,490,586
5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(2,234,414,614,115)	(3,537,490,850,069)
8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	10	(2,467,670,372)	(23,045,000)
9 Tiền chi trả cho người lao động	11	(3,906,865,837)	(4,642,490,624)
10 Tiền chi trả lãi vay	12	(2,577,596,389)	-
11 Tiền đã nộp thuế TNDN	13	-	(1,313,566,278)
12 Tiền thu khác	14	2,593,609,014	4,840,455,147
13 Tiền chi khác	15	(5,493,842,878)	(5,943,885,742)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh CK	20	(10,797,805,185)	(5,171,681,664)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(38,000,000)	(906,424,808)
2 Tiền thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	35,000,000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(163,188,744,778)	(176,898,488,778)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	157,475,254,778	120,866,345,661
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,629,245,488	4,531,542,928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4,122,244,512)	(52,372,024,997)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	109,723,308,200	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(107,740,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1,983,308,200	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(12,936,741,497)	(57,543,706,661)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22,195,194,838	79,738,901,499
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61	1,028,504	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9,259,481,845	22,195,194,838

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011***(tiếp theo)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, được điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 375/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2010.

Địa chỉ: Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3.938 0098 Fax: (84-4) 3.938 0127

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng). Tương đương với 13.500.000 cổ phần.

Đến thời điểm 31/12/2011 cơ cấu cổ đông của Công ty là:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Minh Tuấn	8,100,000	60.00%
Nguyễn Minh Thu	3,375,000	25.00%
Ngô Quang Nam	2,025,000	15.00%
Tổng cộng	13,500,000	100.00%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Tổng số nhân viên: 41 người

Trong đó nhân viên quản lý: 09 người

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)****III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán đối với các Công ty Chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần bị lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu áp dụng chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT – BTC, lợi nhuận của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 sẽ giảm 1.028.504 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2011 sẽ có số dư có với một khoản tiền tương ứng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)****2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định****2.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 04
Dụng cụ quản lý	04

2.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Phần mềm kế toán, phần mềm thiết kế giao diện và phần mềm giao dịch chứng khoán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm kế toán	03
Phần mềm thiết kế giao diện	03 - 04
Phần mềm giao dịch	04 - 07

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: Được ghi nhận theo giá gốc tại ngày đầu tư, mua cổ phiếu.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được ghi nhận theo giá gốc tại ngày đầu tư, góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)****4. Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng đầu tư ngắn hạn, dài hạn được Công ty trích lập (hoàn nhập) tại ngày lập báo cáo tài chính năm, khi giá trị dự phòng các khoản đầu tư tại ngày cuối năm nay lớn hơn số đã trích lập năm trước, số chênh lệch được Công ty trích bổ sung vào chi phí, khi các khoản dự phòng đầu tư hàng năm nhỏ hơn số đã trích lập, số chênh lệch được công ty hoàn nhập dự phòng.

Giá trị có thể thực hiện được của Các khoản đầu tư được tính toán như sau

Đối với cổ phiếu tại HSX: Được lấy theo giá chốt phiên tại ngày lập Báo cáo tài chính

Đối với cổ phiếu tại HNX: Được lấy theo giá bình quân tại ngày lập Báo cáo tài chính

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết: Công ty không trích lập dự phòng các khoản đầu tư này do không có giá thị trường

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ là 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác"

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Tiền mặt	508,520,468	79,934,992
- Tiền gửi ngân hàng	5,750,961,377	19,515,259,846
Trong đó:		
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	5,274,499,041	7,711,074,418
- Các khoản tương đương tiền	3,000,000,000	2,600,000,000
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Hà Thành	3,000,000,000	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	2,600,000,000
Tổng cộng	9,259,481,845	22,195,194,838

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
1. Cửa Công ty chứng khoán	11,490,850	166,461,212,000
- Cổ phiếu	11,490,850	166,461,212,000
- Trái phiếu	-	-
2. Cửa người đầu tư	219,132,718	2,894,510,645,000
- Cổ phiếu	219,132,718	2,894,510,645,000
- Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	230,623,568	3,060,971,857,000

3. Tình hình đầu tư tài chính như sau

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm	
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm			
I. Chứng khoán thương mại	1,197,182	1,506,852	29,211,776,936	43,744,909,723	-	43,981,800	3,631,191,497	7,260,586,784	25,580,585,439	36,528,304,739	
- Cổ phiếu	1,197,182	1,506,852	29,211,776,936	43,744,909,723	-	43,981,800	3,631,191,497	7,260,586,784	25,580,585,439	36,528,304,739	
ACB	590,600	854,718	14,459,400,416	27,658,780,416	-	-	1,702,440,416	5,777,999,616	12,756,960,000	21,880,780,800	
GMD	20,000	-	489,100,000	-	-	-	131,100,000	-	358,000,000	-	
ITC	10,000	-	148,130,000	-	-	-	75,130,000	-	73,000,000	-	
KLS	10,000	-	101,000,000	-	-	-	22,000,000	-	79,000,000	-	
PVX	20,000	120,000	200,246,800	2,608,018,200	-	43,981,800	66,246,800	-	134,000,000	2,652,000,000	
SAM	15,000	120,390	163,743,710	2,983,437,710	-	-	99,243,710	732,144,710	64,500,000	2,251,293,000	
SSI	40,000	50,000	652,000,000	47	-	-	104,000,000	-	548,000,000	47	
STB	5	-	151,011	-	-	-	75,511	-	75,500	-	
TH1	20,000	20,000	884,000,000	884,000,000	-	-	452,000,000	192,000,000	432,000,000	692,000,000	
VCG	5,100	48,300	52,123,500	1,402,800,000	-	-	6,733,500	209,790,000	45,390,000	1,193,010,000	
VFMVF1	87,000	87,000	1,061,400,000	1,061,400,000	-	-	461,100,000	52,200,000	600,300,000	1,009,200,000	
VND	180,000	-	1,734,020,000	-	-	-	510,020,000	-	1,224,000,000	-	
Cổ phiếu khác	199,477	206,444	9,266,461,499	7,146,473,350	-	-	1,101,560	296,452,458	9,265,359,939	6,850,020,892	
II. Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III. Đầu tư góp vốn											
IV. Đầu tư tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
						-					
Tổng cộng	1,197,182	1,506,852	29,211,776,936	43,744,909,723	-	43,981,800	3,631,191,497	7,260,586,784	25,580,585,439	36,528,304,739	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011***(tiếp theo)***4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐHH			
Số dư đầu năm	12,628,614,762	185,659,980	12,814,274,742
- Mua trong năm	170,499,455	-	170,499,455
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(50,000,000)	-	(50,000,000)
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	12,749,114,217	185,659,980	12,934,774,197
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6,843,315,876	143,112,892	6,986,428,768
- Khấu hao trong năm	2,631,741,004	42,547,088	2,674,288,092
- Giảm khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(42,708,347)	-	(42,708,347)
Số dư cuối năm	9,432,348,533	185,659,980	9,618,008,513
Giá trị còn lại của TSCĐHH			
Tại ngày đầu năm	5,785,298,886	42,547,088	5,827,845,974
Tại ngày cuối năm	3,316,765,684	-	3,316,765,684

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐVH		
Số dư đầu năm	9,294,477,983	9,294,477,983
- Mua trong năm	785,888,000	785,888,000
- Tặng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	10,080,365,983	10,080,365,983
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	3,175,636,225	3,175,636,225
- Khấu hao trong năm	1,734,819,463	1,734,819,463
- Giảm khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	4,910,455,688	4,910,455,688
Giá trị còn lại của TSCĐVH		
Tại ngày đầu năm	6,118,841,758	6,118,841,758
Tại ngày cuối năm	5,169,910,295	5,169,910,295

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011***(tiếp theo)*

6. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ		-	204,444,703
Tổng cộng		-	204,444,703

7. Vay ngắn hạn	Lãi suất vay	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
- Vay cá nhân					
Nguyễn Doãn Khôi	16.50%	-	1,843,308,200	-	1,843,308,200
Nguyễn Minh Tuấn	16.50%	-	105,756,691,800	105,756,691,800	-
Nguyễn Thị Lan	14.00%		140,000,000	-	140,000,000
Cộng			107,740,000,000	105,756,691,800	1,983,308,200

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
Thuế GTGT		149,035,238	144,056,102
Thuế thu nhập cá nhân		32,786,123	66,376,602
Tổng cộng		181,821,361	210,432,704

9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
- Tiền nộp ban đầu		201,099,596	201,099,596
- Tiền nộp bổ sung		1,236,664,358	684,793,500
- Tiền lãi phân bổ trong năm		60,093,525	26,654,433
Tổng cộng		1,497,857,479	912,547,529

10. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2011			Phát sinh trong kỳ		31/12/2011			
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng đã lập
1. Phải thu của khách hàng	192,030,314	-	192,030,314	788,950,747	769,150,747	211,830,314	-	192,030,314	174,424,154
2. Trả trước cho người bán	559,659,580	-		398,929,120	952,913,700	5,675,000			
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2,199,290,417	-		408,919,184,326	407,863,319,987	3,255,154,756			
- Phải thu của TTGDCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	2,199,290,417	-	-	408,919,184,326	407,863,319,987	3,255,154,756	-	-	-
- Phải thu tổ chức PHCK hoặc BLPCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký CK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác.	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác.	95,061,663,620	-	-	577,014,904,163	578,559,282,888	93,517,284,895	-	-	-
Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội	-	-	-	1,520,587,768	1,511,539,364	9,048,404			
Tài sản thiếu chờ xử lý	1,000,000	-	-	-	-	1,000,000			
Phải thu hỗ trợ dịch vụ T+	95,060,663,620	-	-	575,494,316,395	577,047,743,524	93,507,236,491			
Tổng cộng	98,012,643,931	-	192,030,314	985,934,088,489	986,422,602,875	96,989,944,965	-	192,030,314	174,424,154

11. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước phí giao dịch 2 sản	89,545,576	218,260,182
Trích trước tiền lương tháng 13, thưởng tết	-	299,453,030
Cộng	89,545,576	517,713,212
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả về giao dịch chứng khoán	5,013,062,804	30,610,935,446
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	574,573,229
Cộng	5,013,062,804	31,185,508,675

13. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2011	Phát sinh trong kỳ		31/12/2011
		Tăng	Giảm	
Vốn chủ sở hữu				
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135,000,000,000	-	-	135,000,000,000
7.Quỹ đầu tư phát triển	210,594,401	-	-	210,594,401
8.Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,932,449,412	-	4,701,961,196	(2,769,511,784)
Tổng cộng	137,143,043,813	-	4,701,961,196	132,441,082,617

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	58,115,474
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	-	58,115,474

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
- Tiền chờ thanh toán bù trừ với TTLK	5,274,499,041	7,711,074,418
Cộng	5,274,499,041	7,711,074,418

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Mua hàng	<u>Quan hệ với Công ty</u>	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Chủ tịch hội đồng quản trị	960,000,000	960,000,000

1.2 Số dư các bên liên quan

Các khoản phải trả	<u>Quan hệ với Công ty</u>	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Chủ tịch hội đồng quản trị	1,920,000,000	960,000,000

2 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 của Công ty CP Chứng khoán Đại Tây Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

VII. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 90 -12/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN **về Báo cáo tài chính năm 2011** **của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương**

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở pháp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2011:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương giữ 07 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Cao Thị Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1787/KTV

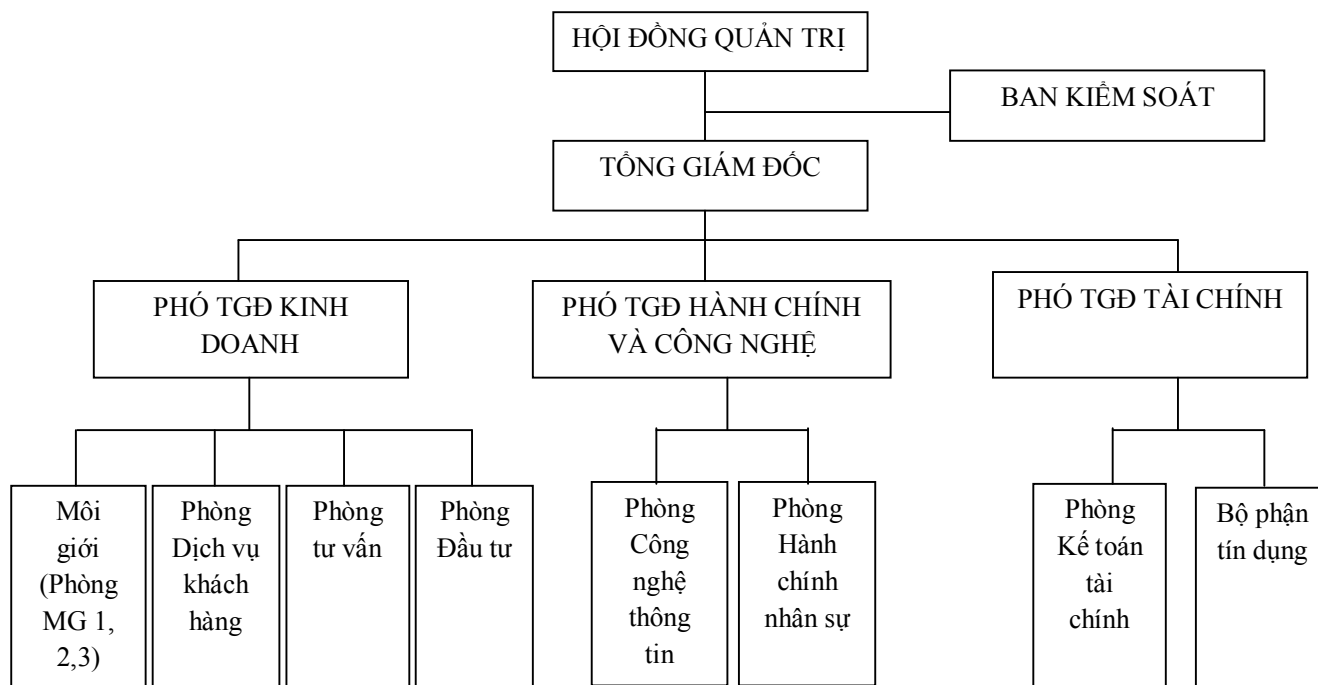
2. Kiểm toán nội bộ

Tất cả các hoạt động tại Công ty CP chứng khoán Đại Tây Dương (OSC) đều tuân thủ với các quy định của pháp luật và theo Giấy phép thành lập và điều lệ hoạt động Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của OSC và được lập phù hợp với các quy định và chuẩn mực của hệ thống kế toán Việt Nam.

VIII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Chức vụ	Trình độ
1	Ông Ngô Quang Nam	Nam		Hà Nội	Tổng Giám Đốc	Cử nhân
2	Bà Lê Thị Mai	Nữ	1979	Thanh Hóa	Phó TGĐ	Thạc sỹ
3	Ông Nguyễn Thanh Trường	Nam	1981	Thanh Hóa	Phó TGĐ	Thạc sỹ
4	Ông Hoàng Văn Dũng	Nam	1978	Vĩnh Phúc	Phó TGĐ	Thạc sỹ

- **Thay đổi Ban Giám đốc điều hành trong năm:** Trong năm 2011 Công ty có sự thay đổi giám đốc điều hành như sau:

Ông Nguyễn Thanh Trường miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương từ ngày 23/5/2011 theo quyết định số 26/2011/QĐ-OSC của hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:** Trong năm 2011 số lượng cán bộ nhân viên Công ty là 41 người. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về BHXH, BHYT, BHTN theo các quy định của Nhà nước và theo quy định của Công ty.

IX. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

- Tại thời điểm cuối năm 2011, hội đồng quản trị của OSC bao gồm

Chủ tịch: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Ủy viên: Ông Ngô Quang Nam

Ủy viên: Bà Nguyễn Minh Thu

Toàn bộ Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông sáng lập của Công ty nắm giữ toàn bộ 100% tỷ lệ sở hữu Công ty.

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên hội đồng quản trị trước khi thay đổi

Tên thành viên HĐQT	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Minh Tuấn	8.100.000	60%
Nguyễn Minh Thu	2.430.000	18%
Ngô Quang Nam	2.025.000	15%
Phạm Thị Minh Hải	945.000	7%
Tổng cộng	13.500.000	100%

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên hội đồng quản trị sau khi thay đổi

Tên thành viên HĐQT	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Minh Tuấn	8.100.000	60%
Nguyễn Minh Thu	3.375.000	25%
Ngô Quang Nam	2.025.000	15%
Tổng cộng	13.500.000	100%

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị

- Cổ đông sáng lập Phạm Thị Minh Hải chuyển nhượng toàn bộ 945.000 CP cho Bà Nguyễn Minh Thu làm cho số lượng cổ phiếu hiện còn đang nắm giữ là 0 CP tương ứng tỷ lệ giảm từ 7% xuống 0% vốn điều lệ.
- Sau khi nhận chuyển nhượng số cổ phần của bà Nguyễn Minh Thu nắm giữ tăng từ 2.430.000 CP tương ứng 18% vốn điều lệ lên 3.375.000 CP tương ứng với 25% vốn điều lệ.
- Tổng số cổ phiếu phổ thông công ty phát hành đến 31/12/2011 là 13.500.000 CP tương ứng với 135.000.000.000 đồng.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1 Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

STT	Họ và tên	Địa chỉ liên lạc	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Minh Tuấn	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8.100.000	60%
2	Nguyễn Minh Thu	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	3.375.000	25%
3	Ngô Quang Nam	Số 34 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội	2.025.000	15%
Tổng			13.500.000	100%

2.2 Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: không

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

ĐẠI TÂY DƯƠNG



Nguyễn Minh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị